

THANH TRA CHÍNH PHỦ -
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO -
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC -
BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ CÔNG AN

Số: 12/2011/TTLT-TTCT-VKSNDTC-
TANDTC-KTNN-BQP-BCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định việc trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2007);

Căn cứ Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng;

Để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng; tăng cường phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chức năng về phòng, chống tham nhũng; xây dựng, quản lý và sử dụng có hiệu quả Hệ thống dữ liệu chung về phòng, chống tham nhũng, Liên ngành: Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thống nhất quy định việc trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng giữa các cơ quan như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng giữa Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong việc trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng.

Điều 3. Nguyên tắc trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu

1. Tuân thủ các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về bí mật nhà nước; đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ và kịp thời.

2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả, tính thống nhất và đồng bộ trong trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin

1. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng, quản lý và sử dụng Hệ thống dữ liệu chung về phòng, chống tham nhũng (sau đây gọi là Hệ thống dữ liệu chung) phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng; Chủ trì việc tổ chức đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm về công tác trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng.

2. Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cung cấp cho Hệ thống dữ liệu chung thông tin về kết quả hoạt động phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng, tài sản tham nhũng theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

3. Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm bố trí cán bộ, điều kiện vật chất, kỹ thuật để đảm bảo cho việc trao đổi, quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng các quy định về trao đổi, quản lý và sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng; kịp thời phối hợp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện.

Điều 5. Nội dung cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Thanh tra Chính phủ cung cấp cho Hệ thống dữ liệu chung thông tin, tài liệu sau: Báo cáo tổng hợp của ngành Thanh tra về công tác phòng, chống tham nhũng; kết quả các cuộc thanh tra đã phát hiện có dấu hiệu tham nhũng; số tiền, tài sản tham nhũng do các cơ quan thanh tra kiến nghị thu hồi; kết quả phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giải quyết tố cáo; kết quả nghiên cứu, điều tra xã hội học và tài liệu khác liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng. Danh mục nội dung thông tin thể hiện tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này.

2. Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao cung cấp cho Hệ thống dữ liệu chung thông tin về kết quả xử lý tội phạm tham nhũng, thông tin về số tiền, tài sản tham nhũng được Viện kiểm sát nhân dân các cấp đề nghị thu hồi, tạm giữ, phong tỏa. Danh mục nội dung thông tin được thể hiện tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này.

3. Tòa án Nhân dân Tối cao cung cấp cho Hệ thống dữ liệu chung thông tin về việc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm của Tòa án nhân dân các cấp đối với các tội phạm về tham nhũng, thông tin về số tiền, tài sản tham nhũng được Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Danh mục nội dung thông tin được thể hiện tại Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này.

4. Kiểm toán Nhà nước cung cấp cho Hệ thống dữ liệu chung thông tin về: Số cuộc kiểm toán đã thực hiện; số vụ, việc chuyển đến cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý; số tiền, tài sản bị quản lý và sử dụng sai được cơ quan Kiểm

toán Nhà nước phát hiện, kiến nghị thu hồi; các văn bản quy phạm pháp luật do Kiểm toán Nhà nước kiến nghị huỷ bỏ, sửa đổi, bổ sung; kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Danh mục nội dung thông tin được thể hiện tại Phụ lục số 4 kèm theo Thông tư này.

5. Bộ Quốc phòng cung cấp cho Hệ thống dữ liệu chung thông tin về số vụ án, số bị can bị khởi tố, điều tra, bị đề nghị truy tố về các tội phạm về tham nhũng do các cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân thực hiện, thông tin về số tiền, tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng được các cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân đề nghị thu hồi, tạm giữ, phong tỏa. Danh mục nội dung thông tin được thể hiện tại Phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này.

6. Bộ Công an cung cấp cho Hệ thống dữ liệu chung thông tin về số vụ án, số bị can bị khởi tố, điều tra, bị đề nghị truy tố về các tội phạm về tham nhũng do các cơ quan điều tra thuộc Công an nhân dân thực hiện, thông tin về số tiền, tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng được các cơ quan điều tra trong Công an nhân dân đề nghị thu hồi, tạm giữ, phong tỏa. Danh mục nội dung thông tin được thể hiện tại Phụ lục số 6 kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu

Việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu thực hiện dưới hình thức văn bản hành chính hoặc thông điệp dữ liệu điện tử (có giá trị pháp lý như nhau). Thanh tra Chính phủ là đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin do các bộ, ngành cung cấp phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng và Hệ thống dữ liệu chung.

Điều 7. Kỳ thống kê thông tin và thời hạn thực hiện việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Thông tin hàng tháng: Thống kê thông tin, số liệu tính từ ngày đầu tháng đến ngày cuối tháng, cung cấp chậm nhất vào ngày 20 tháng sau.

2. Thông tin cả năm: Thống kê thông tin, số liệu tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12, cung cấp chậm nhất vào ngày 20/01 năm sau.

3. Thông tin đột xuất: Trong trường hợp Quốc hội, Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng hoặc các cơ quan khác có thẩm quyền yêu cầu báo cáo, cung cấp thông tin thuộc danh mục chỉ tiêu thông tin quy định tại Điều 5 của Thông tư này hoặc các thông tin khác có liên quan nhưng theo kỳ thống kê và thời hạn khác với các quy định tại khoản 1 của điều này thì các bộ, ngành, cơ quan liên quan chủ động cung cấp theo yêu cầu của các cơ quan đó, đồng thời cung cấp cho hệ thống dữ liệu chung và các cơ quan chức năng. Trường hợp yêu cầu báo cáo, cung cấp thông tin được gửi đến Thanh tra Chính phủ thì Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cung cấp thông tin.

Điều 8. Quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm áp dụng các biện pháp chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cần thiết để bảo mật Hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ thông tin, dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được quy định tại Thông tư này.

2. Thanh tra Chính phủ cung cấp cho Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mã số truy cập và mật khẩu để khai thác thông tin từ Hệ thống dữ liệu chung thông qua mạng điện tử. Các cơ quan có trách nhiệm bảo mật mã số, mật khẩu được cung cấp.

3. Ngoài các cơ quan ban hành Thông tư Liên tịch này, Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm chia sẻ thông tin cho các cơ quan, người có thẩm quyền sau để sử dụng, khai thác thông tin từ Hệ thống dữ liệu chung:

- a) Các cơ quan Trung ương của Đảng;
- b) Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc của Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội;
- c) Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước;
- d) Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ;
- d) Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

4. Trong trường hợp Thanh tra Chính phủ sử dụng các thông tin, dữ liệu từ Hệ thống dữ liệu chung để xây dựng các báo cáo về phòng, chống tham nhũng gửi cơ quan có thẩm quyền thì đồng gửi cho các cơ quan tham gia Thông tư này.

Điều 9. Đơn vị đầu mối thực hiện viên cung cấp, trao đổi thông tin

1. Các cơ quan chức năng phân công đơn vị trực thuộc làm đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin theo quy định của Thông tư này như sau:

- a) Thanh tra Chính phủ: Cục Chống tham nhũng.
- b) Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao: Cục Thống kê Tội phạm.
- c) Tòa án Nhân dân Tối cao: Vụ Thống kê Tổng hợp.
- d) Kiểm toán Nhà nước: Vụ Tổng hợp.
- đ) Bộ Quốc phòng: Thanh tra Bộ Quốc phòng.
- e) Bộ Công an: Thanh tra Bộ Công an.

2. Các đơn vị, tổ chức là đầu mối quy định tại Khoản 1 điều này có trách nhiệm phân công cụ thể lãnh đạo đơn vị và bộ phận chức năng thực hiện các nhiệm vụ về trao đổi, cung cấp, quản lý thông tin, dữ liệu; mở và đăng ký với Thanh tra Chính phủ hộp thư điện tử, số fax, số điện thoại được sử dụng cho việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư Liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2012 và thay thế Thông tư Liên tịch số 2462/2007/TTLT-TTTP-VKSNDTC-TANDTC-KTNN-BQP-BCA ngày 19/11/2007 của Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan phản ánh về Thanh tra Chính phủ để phối hợp với các bộ, ngành liên quan xem xét, hướng dẫn, điều chỉnh cho phù hợp./.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Lê Hữu Thế

**KT. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**



Lê Minh Khải

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



Thượng tướng Đặng Văn Hiếu

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**



Trần Văn Tú

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng: Nguyễn Thành Cung

**KT. TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ
PHÓ TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ**



Trần Đức Lượng

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án NDTC, Viện Kiểm sát NDTC, Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công TTĐT của TTCP; Công báo;
- Các cục, vụ, đơn vị thuộc TTCP;
- Lưu: Văn thư, Cục IV-TTCP (5b).

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông tư Liên tịch số 12/TTLT-TTCTP-VKSNDTC-TANDTC-KTNN-BQP-BCA ngày 15/12/2011 của Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)

THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CỦA NGÀNH THANH TRA THÁNG.... NĂM

(Do Thanh tra Chính phủ cung cấp)

1. Các văn bản do Thanh tra Chính phủ ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng.
2. Số cuộc thanh tra đã tiến hành; số cuộc thanh tra phát hiện dấu hiệu tham nhũng.
3. Số vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đã phát hiện dấu hiệu tham nhũng.
4. Số vụ, việc đã được chuyển cho cơ quan điều tra, kiểm sát đề nghị xử lý tiếp theo quy định của pháp luật liên quan đến hành vi tham nhũng.
 - Thanh tra Chính phủ chuyển:
 - Thanh tra bộ, ngành chuyển:
 - Thanh tra địa phương chuyển:
5. Số người bị cơ quan Thanh tra các cấp đề nghị xử lý hành chính do có hành vi tham nhũng:
6. Số người đứng đầu bị kết luận thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng:
7. Số tiền, tài sản bị quản lý, sử dụng sai được cơ quan thanh tra kiến nghị thu hồi, tạm giữ.
8. Số tiền, tài sản bị quản lý, sử dụng sai đã được cơ quan thanh tra tạm giữ;
9. Số tiền, tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được cơ quan thanh tra kiến nghị thu hồi, yêu cầu bồi thường.
10. Số tiền, tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được cơ quan thanh tra thu hồi, tạm giữ, phong tỏa.
11. Các kết quả nghiên cứu, điều tra xã hội học và tài liệu khác trong nước về phòng, chống tham nhũng:
12. Các thông tin, tài liệu, kinh nghiệm quốc tế về phòng, chống tham nhũng: ./.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Thông tư Liên tịch số 12/TTLT-TTCP-VKSNDTC-TANDTC-KTNN-BQP-BCA ngày 15/12/2011 của Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)

KẾT QUẢ XỬ LÝ TỘI PHẠM THAM NHŨNG THÁNG ... NĂM....

(Do Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao cung cấp)

| TT | NỘI DUNG THÔNG TIN | ĐƠN VỊ TÍNH | TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT CỦA BLHS | | | | | | |
|-------------|---|----------------|----------------------------------|-------------------------------|---|---|---|--|--|
| | | | Tham ô tài sản (Điều 278) | Nhận hối lộ (Điều 279) | Lạm dụng chức vụ ... chiếm đoạt (Điều 280) | Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành (Điều 281) | Lạm dụng chức vụ trong khi thi hành (Điều 282) | Lạm dụng chức vụ gây ảnh hưởng ... (Điều 283) | Giả mạo trong công tác (Điều 284) |
| I. | KHỞI TỐ ĐIỀU TRA | | | | | | | | |
| 1. | Số vụ | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị can | Bị can | | | | | | | |
| II. | TRUY TỐ | | | | | | | | |
| 1. | Số vụ | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị can | Bị can | | | | | | | |
| III. | GIÁ TRỊ TÀI SẢN THAM NHŨNG, GÂY THIẾT HẠI DO THAM NHŨNG ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN KIỂM SÁT ĐỀ NGHỊ THU HỒI, TẠM GIỮ, PHÒNG TOẢ | | | | | | | | |
| 1. | Nhà | m ² | | | | | | | |
| 2. | Đất | m ² | | | | | | | |
| 3. | Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền | Triệu đồng | | | | | | | |

Ghi chú: Nguyên tắc xác định tội danh của vụ án tham nhũng trong trường hợp vụ án có nhiều bị can và có bị can phạm nhiều tội khác nhau như sau: Thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất hoặc tội danh có mức hình phạt cao nhất của bị can đầu vụ. Trường hợp bị can đầu vụ phạm nhiều tội có cùng mức độ nghiêm trọng, cùng mức hình phạt thì thống kê theo tội danh nhỏ nhất theo thứ tự trong BLHS./.

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Thông tư Liên tịch số 12/TTLT-TTCP-VKSNDTC-TANDTC-KTNN-BQP-BCA ngày 15/12/2011 của Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)

KẾT QUẢ XÉT XỬ TỘI PHẠM VỀ THAM NHỮNG THÁNG.... NĂM....

(Do Tòa án Nhân dân Tối cao cung cấp)

| TT | NỘI DUNG THÔNG TIN | ĐƠN VỊ | TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT | | | | | Giả mạo trong công tác | |
|------------|-------------------------------------|--------|--------------------|-------------|---------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------------------|
| | | | Tham ô tài sản | Nhận hối lộ | Lạm dụng chức vụ ... chiếm đoạt | Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành | Lạm dụng chức vụ trong khi thi hành | | Lạm dụng chức vụ gây ảnh hưởng ... |
| | | | (Điều 278) | (Điều 279) | (Điều 280) | (Điều 281) | (Điều 282) | | (Điều 283) |
| I. | ÁN PHẢI GIẢI QUYẾT | | | | | | | | |
| 1. | Vụ cũ còn lại | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 2. | Vụ mới thụ lý | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| II. | PHÂN TÍCH ÁN PHẢI GIẢI QUYẾT | | | | | | | | |
| 1. | Chuyên hồ sơ | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 2. | Đình chỉ | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 3. | Trả hồ sơ cho VKS | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 4. | Đã xét xử | Vụ | | | | | | | |
| | Bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 5. | Số vụ án điếm hoặc xử lưu động | Vụ | | | | | | | |
| 6. | Số vụ án xử theo thủ tục rút gọn | Vụ | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|-------------|---|--------|--|--|--|--|--|--|--|
| 7. | Số vụ có người bào chữa, bảo vệ quyền, lợi ích cho đương sự | Vụ | | | | | | | |
| III. | ÁN CÒN LẠI | | | | | | | | |
| 1. | Số vụ án còn lại | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 2. | Số vụ tạm đình chỉ | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 3. | Số vụ đề quá hạn | Vụ | | | | | | | |
| IV. | PHÂN TÍCH SỐ BỊ CÁO ĐÃ XÉT XỬ | | | | | | | | |
| 1. | Không có tội | Người | | | | | | | |
| 2. | Miễn trách nhiệm HS hoặc miễn hình phạt | Người | | | | | | | |
| 3. | Đưa vào trường giáo dưỡng hoặc giáo dục tại địa phương | Người | | | | | | | |
| 4. | Trục xuất | Bị cáo | | | | | | | |
| 5. | Cảnh cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 6. | Phạt tiền | Bị cáo | | | | | | | |
| 7. | Cải tạo không giam giữ | Bị cáo | | | | | | | |
| 8. | Cho hưởng án treo | Bị cáo | | | | | | | |
| 9. | Tù từ 3 năm trở xuống | Bị cáo | | | | | | | |
| 10. | Tù từ 3 năm đến dưới 7 năm | Bị cáo | | | | | | | |
| 11. | Tù từ 7 năm đến dưới 15 năm | Bị cáo | | | | | | | |
| 12. | Tù từ 15 năm đến 20 năm | Bị cáo | | | | | | | |
| 13. | Tù chung thân | Bị cáo | | | | | | | |
| 14. | Tử hình | Bị cáo | | | | | | | |
| 15. | Tổng hợp hình phạt từ trên 20 đến 30 năm | Bị cáo | | | | | | | |
| 16. | Cán bộ công chức | Người | | | | | | | |
| 17. | Đảng viên | Người | | | | | | | |
| 18. | Tái phạm, tái phạm nguy hiểm | Người | | | | | | | |
| 19. | Dân tộc thiểu số | Người | | | | | | | |
| 20. | Nữ | Người | | | | | | | |
| 21. | Người nước ngoài | Người | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|-------------|--|----------------|--|--|--|--|--|--|--|
| V. | ÁP DỤNG HÌNH PHẠT BỔ SUNG | | | | | | | | |
| 1. | Tịch thu tài sản | Bị cáo | | | | | | | |
| 2. | Phạt tiền | Bị cáo | | | | | | | |
| 3. | Trục xuất | Bị cáo | | | | | | | |
| 4. | Các hình phạt bổ sung khác | Bị cáo | | | | | | | |
| VI. | GIÁ TRỊ TÀI SẢN BỊ TUYÊN TỊCH THU HOẶC TRẢ LẠI CHỦ SỞ HỮU | | | | | | | | |
| 1. | Nhà | m ² | | | | | | | |
| 2. | Đất | m ² | | | | | | | |
| 3. | Tiền và tài sản khác được quy đổi thành tiền | Triệu đồng | | | | | | | |
| VII. | XÉT XỬ PHỨC THẠM | | | | | | | | |
| 1. | Số vụ đã xét xử | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị cáo | Bị cáo | | | | | | | |
| 2. | Số bị cáo bị tăng nặng hình phạt | Bị cáo | | | | | | | |
| 3. | Số bị cáo được giảm nhẹ hình phạt | Bị cáo | | | | | | | |

Ghi chú: - Các mục từ I đến VI là xét xử sơ thẩm.

- Nguyên tắc xác định tội danh của vụ án tham nhũng trong trường hợp có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau về tham nhũng được xác định theo tội danh nghiêm trọng nhất của bị cáo đầu vụ. Trường hợp bị cáo đầu vụ phạm nhiều tội về tham nhũng và các tội này có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự. Nếu vụ án có nhiều bị cáo, trong đó có bị cáo phạm tội về tham nhũng, có bị cáo phạm các tội khác không phải là tham nhũng thì chỉ thống kê các bị cáo phạm các tội về tham nhũng và việc xác định tội danh trong trường hợp này được áp dụng theo nguyên tắc nêu trên./.

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Thông tư Liên tịch số 12/TTLT-TTCTP-VKSNDTC-TANDTC-KTNN-BQP-BCA ngày 15/12/2011 của Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN THÁNG ... NĂM ...

(Do Kiểm toán Nhà nước cung cấp)

I. Số cuộc kiểm toán:

1. Theo kế hoạch:
2. Đã triển khai:
3. Đã phát hành báo cáo kiểm toán:

II. Số tiền, tài sản bị quản lý và sử dụng sai được phát hiện, kiến nghị xử lý qua công tác kiểm toán: *cung cấp thông tin theo niên độ kiểm toán.*

1. Các khoản tăng thu ngân sách nhà nước:
2. Các khoản giảm chi ngân sách nhà nước:
3. Các khoản phải nộp hoàn trả và quản lý qua ngân sách nhà nước:
4. Các khoản nợ đọng phát hiện:
5. Các sai phạm khác:

III. Số vụ, việc chuyển đến cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý:

1. Cơ quan thuế để xử lý (điều tra thuế):
2. Cơ quan thanh tra (Chính phủ, bộ, ngành, địa phương):
3. Cơ quan điều tra:

IV. Số người bị cơ quan Kiểm toán kiến nghị cơ quan chức năng xử lý:

1. Số người bị cơ quan kiểm toán kiến nghị cơ quan chức năng điều tra, xử lý:
2. Số người bị cơ quan Kiểm toán đề nghị xử lý kỷ luật:

V. Kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (tỷ lệ % so với số kiến nghị): *cung cấp thông tin theo niên độ kiểm toán*

1. Kết quả thực hiện kiến nghị số tăng thu ngân sách nhà nước:
2. Kết quả thực hiện kiến nghị số xuất toán thu hồi nợ ngân sách nhà nước, giảm cấp phát:
3. Kết quả thực hiện kiến nghị về ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước:
4. Kết quả thực hiện kiến nghị về quyết toán chuyển năm sau:
5. Kết quả thực hiện các điều chỉnh và giảm trừ khác: ./.

PHỤ LỤC 5

(Kèm theo Thông tư Liên tịch số 12/TTLT-TTCP-VKSNDTC-TANDTC-KTNN-BQP-BCA ngày 15/12/2011 của Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Toà án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)

KẾT QUẢ XỬ LÝ TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG THÁNG ... NĂM ...

(Do Bộ Quốc phòng cung cấp)

| T T | NỘI DUNG THÔNG TIN | ĐƠN VỊ TÍNH | TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT CỦA BLHS | | | | | | |
|------------|---|-------------------|-----------------------------|----------------|--|--|--|--|------------------------------------|
| | | | Tham ô tài sản | Nhận hối lộ | Lạm dụng chức vụ ... chiếm đoạt | Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành | Lạm dụng chức vụ trong khi thi hành | Lạm dụng chức vụ gây ảnh hưởng ... | Giả mạo trong công tác |
| | | | (Điều 278) | (Điều 279) | (Điều 280) | ... (Điều 281) | ... (Điều 282) | (Điều 283) | (Điều 284) |
| I. | KHÔI TỐ ĐIỀU TRA | | | | | | | | |
| 1. | Kỳ trước chuyên sang | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị can | Bị can | | | | | | | |
| 2. | Mới khởi tố | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị can | Bị can | | | | | | | |
| II. | PHÂN TÍCH BỊ CAN MỚI KHÔI TỐ | | | | | | | | |
| 1. | Sĩ quan cấp tướng | Người | | | | | | | |
| 2. | Sĩ quan cấp tá | Người | | | | | | | |
| 3. | Đối tượng khác thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng | Người | | | | | | | |
| 4. | Đối tượng không thuộc quản lý của Bộ Quốc phòng | Người | | | | | | | |
| III | ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA | | | | | | | | |
| 1. | Số vụ | Vụ | | | | | | | |
| 2. | Số Bị can | Bị can | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|------------|---|----------------|--|--|--|--|--|--|--|
| IV. | CHUYÊN TRUY TỐ | | | | | | | | |
| 1. | Số vụ | Vụ | | | | | | | |
| 2. | Số Bị can | Bị can | | | | | | | |
| V. | TÀI SẢN BỊ THAM NHỮNG VÀ GÂY THIẾT HẠI DO THAM NHỮNG | | | | | | | | |
| 1. | Nhà | m ² | | | | | | | |
| 2. | Đất | m ² | | | | | | | |
| 3. | Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền | Triệu đồng | | | | | | | |
| VI. | GIÁ TRỊ TÀI SẢN ĐÃ THU HỒI, TẠM GIỮ, PHONG TOẢ | | | | | | | | |
| 1. | Nhà | m ² | | | | | | | |
| 2. | Đất | m ² | | | | | | | |
| 3. | Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền | Triệu đồng | | | | | | | |
| VII | KẾT LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU | | | | | | | | |
| 1. | Số người đứng đầu đã bị kết luận thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | | | | | | | |
| 2. | Số người đứng đầu bị khởi tố do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | | | | | | | |

Ghi chú: Nguyên tắc xác định tội danh của vụ án tham nhũng trong trường hợp vụ án có nhiều bị can và có bị can phạm nhiều tội khác nhau như sau: Thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất hoặc tội danh có mức hình phạt cao nhất của bị can đầu vụ. Trường hợp bị can đầu vụ phạm nhiều tội có cùng mức độ nghiêm trọng, cùng mức hình phạt thì thống kê theo tội danh nhỏ nhất theo thứ tự trong Bộ luật Hình sự./.

PHỤ LỤC 6

(Kèm theo Thông tư Liên tịch số 12/TTLT-TTCP-VKSNDTC-TANDTC-KTNN-BQP-BCA ngày 15/12/2011 của Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an)

KẾT QUẢ XỬ LÝ TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG THÁNG ... NĂM ...

(Do Bộ Công an cung cấp)

| T T | NỘI DUNG THÔNG TIN | ĐƠN VỊ TÍNH | TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT CỦA BLHS | | | | | | |
|------------|--|-------------------|---|-------------------------------------|---|--|--|---|---|
| | | | Tham ô tài sân (Điều 278) | Nhận hối lộ (Điều 279) | Lạm dụng chức vụ ... chiếm đoạt (Điều 280) | Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành ... (Điều 281) | Lạm dụng chức vụ trong khi thi hành ... (Điều 282) | Lạm dụng chức vụ gây ảnh hưởng ... (Điều 283) | Giá mạo trong công tác (Điều 284) |
| I. | KHỞI TỐ ĐIỀU TRA | | | | | | | | |
| 1. | Kỳ trước chuyển sang | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị can | Bị can | | | | | | | |
| 2. | Mới khởi tố | Vụ | | | | | | | |
| | Số bị can | Bị can | | | | | | | |
| II. | PHÂN TÍCH BỊ CAN MỚI KHỞI TỐ | | | | | | | | |
| 1. | Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã | Người | | | | | | | |
| 2. | Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện | Người | | | | | | | |
| 3. | Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh | Người | | | | | | | |
| 4. | Cán bộ, công chức, viên chức ở TW | Người | | | | | | | |
| 5. | Sĩ quan cấp tướng trong Công an nhân dân | Người | | | | | | | |
| 6. | Sĩ quan cấp tá trong Công an nhân dân | Người | | | | | | | |
| 7. | Sĩ quan cấp úy trong Công an nhân dân | Người | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|------------|---|----------------|--|--|--|--|--|--|--|
| 8. | Hạ sĩ quan, chiến sỹ trong công an nhân dân | | | | | | | | |
| 9. | Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong DNNN, đại diện vốn góp của Nhà nước | Người | | | | | | | |
| 10. | Đối tượng khác | Người | | | | | | | |
| III | ĐÌNH CHỈ ĐIỀU TRA | | | | | | | | |
| 1. | Số vụ | Vụ | | | | | | | |
| 2. | Số Bị can | Bị can | | | | | | | |
| IV. | CHUYỂN TRUY TỐ | | | | | | | | |
| 1. | Số vụ | Vụ | | | | | | | |
| 2. | Số Bị can | Bị can | | | | | | | |
| V. | TÀI SẢN BỊ THAM NHŨNG VÀ GÂY THIẾT HẠI DO THAM NHŨNG | | | | | | | | |
| 1. | Nhà | m ² | | | | | | | |
| 2. | Đất | m ² | | | | | | | |
| 3. | Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền | Triệu đồng | | | | | | | |
| VI. | GIÁ TRỊ TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐIỀU TRA ĐÃ THU HỒI, TẠM GIỮ, PHONG TOẢ | | | | | | | | |
| 1. | Nhà | m ² | | | | | | | |
| 2. | Đất | m ² | | | | | | | |
| 3. | Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền | Triệu đồng | | | | | | | |
| VII | KẾT LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU | | | | | | | | |
| 1. | Số người đứng đầu đã bị kết luận thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | | | | | | | |
| 2. | Số người đứng đầu bị khởi tố do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | Người | | | | | | | |

Ghi chú: Nguyên tắc xác định tội danh của vụ án tham nhũng trong trường hợp vụ án có nhiều bị can và có bị can phạm nhiều tội khác nhau như sau: Thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất hoặc tội danh có mức hình phạt cao nhất của bị can đầu vụ. Trường hợp bị can đầu vụ phạm nhiều tội có cùng mức độ nghiêm trọng, cùng mức hình phạt thì thống kê theo tội danh nhỏ nhất theo thứ tự trong BLHS./.